

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/HSST
Ngày 23-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuận và bà Phạm Thị Thom.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Thề.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Lục Văn Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2018/TLST-HS ngày 17/4/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HS ngày 10/5/2018 đối với bị cáo: **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1965 tại Đăk Nông; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn 06, xã T, huyện C, tỉnh Đăk Nông; Trình độ học vấn: 02/10; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị Đ (đều đã chết); Vợ: Lưu Thị M, sinh năm 1970 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1993; Tiền sự: Không; Tiền án: 01, ngày 23/8/2016 bị TAND huyện C xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 07/10/2016 chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Tại bản án số 09/2008/HSST, ngày 08/4/2008 TAND huyện C xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, ngày 18/01/2013 chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/3/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Đăk Nông (Có mặt)

- Người bị hại: Chị Bùi Thị Minh L, sinh năm 1987. Trú tại: Tổ dân phố 02, TT. E, huyện C, tỉnh Đăk Nông (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Mạnh K, sinh năm 1991. Trú tại: Thôn 06, xã T, huyện C, tỉnh Đăk Nông (Có mặt)

2. Anh Lê Hồng Đ, sinh năm 1996. Trú tại: Thôn S, xã G, huyện M, tỉnh Đăk Nông (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ 00 ngày 06/3/2018, bị cáo Nguyễn Văn K điều khiển xe máy biển kiểm soát 48AB – 018.72 đi từ hướng xã T đến thị trấn E, huyện C, khi đi đến trước nhà chị Bùi Thị Minh L ở Tổ dân phố 2, thị trấn E, huyện C, bị cáo thấy trong sân nhà chị L để 10 chiếc ghế nhựa được xếp chồng lên nhau và không có người trông coi, bị cáo dựng xe máy ở ngoài rồi đi bộ vào trong sân lấy 10 chiếc ghế rồi đi ra ngoài đường và đặt lên xe máy biển kiểm soát 48AB – 018.72 điều khiển xe chạy về hướng xã T để đem đi bán lấy tiền sử dụng ma túy thì bị quần chúng nhân dân bắt giữ và giao cho Công an thị trấn E, huyện C xử lý.

Tại kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐG ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: 10 chiếc ghế nhựa màu đỏ, loại ghế tựa, cao 84cm, nhãn hiệu Đại Đồng Tiến có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Bản cáo trạng số: 20/CTr-VKS ngày 26/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, bị cáo thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng không oan, bị cáo thừa nhận đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” đã chấp hành hình phạt, nhưng chưa được xóa án tích, ngày 06/3/2018 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo đồng ý với kết luận định giá tài sản của hội đồng giám định trong tố tụng hình sự huyện C.

Phản tranh luận bị cáo không bào chữa gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo như tại bản cáo trạng số: 20/CTr-VKS ngày 26/4/2018 về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đề nghị hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại 10 (mười) chiếc ghế nhựa cho chị Bùi Thị Minh L; 01 xe máy biển kiểm soát 48AB – 018.72 cho anh Nguyễn Mạnh K là các chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Bùi Thị Minh L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, tiếp đến ngày 06/3/2018, bị cáo lại trộm cắp 10 chiếc ghế nhựa của chị Bùi Thị Minh L, giá trị tài sản bị cáo đã trộm cắp là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), mục đích để bán lấy tiền sử dụng vào việc ma túy thì bị phát hiện. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý phạm tội.

Ngày 23/8/2016 bị cáo đã bị TAND huyện C xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 07/10/2016 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng làm ăn sinh sống mà lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ. Mặt khác, bị cáo có nhân thân xấu: Tại Bản án số 09/2008/HSST, ngày 08/4/2008 TAND huyện C xử phạt Nguyễn Văn K 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” ngày 18/01/2013 chấp hành xong hình phạt. Vì vậy, cần áp dụng đối với bị cáo hình phạt

tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo cải tạo giáo dục thành người có ích cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn. Do đó, bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Đối với anh Nguyễn Mạnh K là chủ sở hữu xe máy biển kiểm soát 48AB – 018.72. Tuy nhiên, ngày 06/3/2018 anh K không biết bị cáo tự ý lấy xe của mình đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không có căn cứ xử lý.

Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại 10 (mười) chiếc ghế nhựa cho chị Bùi Thị Minh L; 01 xe máy biển kiểm soát 48AB – 018.72 cho anh Nguyễn Mạnh K là các chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường dân sự nên không đề cập.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn K** phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K **09 (chín)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (*ngày 06 tháng 3 năm 2018*).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả 10 (mười) chiếc ghế nhựa cho chị Bùi Thị Minh L và 01 xe máy biển kiểm soát 48AB – 018.72 cho anh Nguyễn Mạnh K là các chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên không đề cập.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ

phí Toà án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Người bị hại
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan